

Số: **790/2020/QĐST-HNGĐ**

Tân phú, ngày 07 tháng 9 năm 2020

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN TÂN PHÚ, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ Điều 397 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, 57, 58, 81, 82, 83, 84, 110, 116, 117 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số: 654/2020/TLST-HNGĐ ngày 14 tháng 8 năm 2020 về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

Bà Nguyễn Thị H., sinh năm 1970;

Địa chỉ: Số X, đường Y, phường Z, quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh;

Ông Phan Văn C., sinh năm 1961;

Địa chỉ: Số X, đường Y, phường Z, quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh;

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị H. và ông Phan Văn C. tự nguyện chung sống vào năm 1989, có tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn, theo Giấy chứng nhận kết hôn ngày 05/9/1989, tại Ủy ban nhân dân xã A, huyện B, tỉnh Hải Hưng (nay là Ủy ban nhân dân phường A, thị xã B2, tỉnh Hải Dương).

Thời gian đầu bà H. và ông C. chung sống hạnh phúc. Nhưng đến năm 2014 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do tính tình không hòa hợp, thường xuyên xảy ra gây gổ, cãi vã dẫn đến cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc. Bà H. và ông C. đã cố gắng hàn gắn nhiều lần nhưng không thành. Nay nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc, do đó bà H. và ông C. yêu cầu được thuận tình ly hôn.

[2] Về con chung: Bà H. và ông C. có 02 (hai) con chung tên là Phan Thị H2., sinh ngày 24/01/1990 và Phan Chí C2., sinh ngày 01/3/1993. Các con chung đã trưởng thành và phát triển bình thường nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[3] Về tài sản chung: Bà H. và ông C. cùng xác nhận không có tài sản chung.

[4] Về các vấn đề khác: Bà H. và ông C. cùng xác nhận không có nợ chung.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị H. và ông Phan Văn C. thuận tình ly hôn.

Quan hệ hôn nhân của bà Nguyễn Thị H. và ông Phan Văn C., theo Giấy chứng nhận kết hôn ngày 05/9/1989 của Ủy ban nhân dân xã A, huyện B, tỉnh Hải Hưng (nay là Ủy ban nhân dân phường A, thị xã B2, tỉnh Hải Dương) chấm dứt kể từ ngày quyết định ly hôn của Tòa án có hiệu lực pháp luật.

- Về con chung: Bà H. và ông C. có 02 (hai) con chung tên là Phan Thị H2., sinh ngày 24/01/1990 và Phan Chí C2., sinh ngày 01/3/1993. Các con chung đã trưởng thành và phát triển bình thường, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung: Bà H. và ông C. cùng xác nhận không có tài sản chung.

- Về các vấn đề khác: Bà H. và ông C. cùng xác nhận không có nợ chung.

2. Về lệ phí Tòa án: Lệ phí thuận tình ly hôn là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng do bà H. và ông C. cùng phải chịu, nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí 300.000 (ba trăm nghìn) đồng mà bà H. và ông C. đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2019/0070805 ngày 14/8/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh. Bà H. và ông C. đã nộp đủ lệ phí.

Thi hành tại Cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân quận Tân Phú;
- Ủy ban nhân dân nơi đăng ký kết hôn;
- Chi cục THA DS quận Tân Phú;
- Lưu: VT, hồ sơ việc dân sự.

THẨM PHÁN

Lâm Đức Tài